CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 66/BHS/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Địa chỉ:	SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Điện thoại:	0251.3836199 Fax: 0251.3836213
E-mail:	bhc@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn
Mã số doanh nghiệp	3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: Theo các giấy chứng nhận FSSC 22000 còn hiệu lực của các cơ sở sản xuất sản phẩm đề cập tại mục II.5.2.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP**

2. Thành phần: Đường mía 100%.

3. Thời hạn sử dụng của sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: 1kg. Các túi đường được chứa trong bao PP, mỗi bao 20kg (20 túi x 1kg).
- Chất liệu bao bì đóng túi: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu màng túi OPP/PE/LDPE; PET/PE/LDPE; PA/LLDPE. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

5.1 Xuất xứ: Việt Nam

5.2 Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng :

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA.

Địa chỉ: Số 224, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

5.2 Địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên cơ sở 1: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "G" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy G

Địa chỉ cơ sở 1: Ấp Tân Lợi, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận FSSC: VN012479-3, nơi cấp Bureau Veritas Certification.

Tên cơ sở 2: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU AGRIS NINH HÒA

Ký hiệu nhận dạng địa chỉ sản xuất trên bao bì là chữ "D" sau ngày sản xuất.

Minh họa: NSX/MFG: dd.mm.yy D

Địa chỉ cơ sở 2: Thôn Phước Lâm, xã Tân Định, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Số giấy chứng nhận FSSC: FSSC 648308, nơi cấp BSI.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì	mg/kg	0.5
2	Hàm lượng Thủy Ngân	mg/kg	0.05
3	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	1
4	Hàm lượng Asen	mg/kg	1

2. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT – Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

3. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

3.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Tinh thể đường tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục.
- Mùi vị: Tinh thể đường cũng như dung dịch đường trong nước cất có vị ngọt, không có mùi lạ, vị lạ.
- Màu sắc: Tinh thể đường có màu trắng óng ánh. Khi pha trong nước cất, dung dịch đường trong suốt.

3.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Hàm lượng saccharose	%	≥ 99.8
2	Hàm lượng đường khử	%	≤ 0.03
3	Tro dẫn điện	%	≤ 0.03

4	Độ ẩm	%	≤ 0.05
5	Độ màu	ICUMSA	≤ 30

3.3 Hàm lượng hóa chất không mong muốn: Phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7270:2003: Đường trắng và đường tinh luyện – yêu cầu vệ sinh: Dư lượng SO_2

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng SO_2	mg/kg	2

3.4 Vi sinh:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	Cfu/10g	200
2	Tổng số bào từ nấm men	Cfu/10g	10
3	Tổng số bào tử nấm mốc	Cfu/10g	10

4. Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.
- Tránh ánh nắng trực tiếp và nơi có nhiệt độ hay độ ẩm cao.

5. Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng trực tiếp hoặc dùng trong chế biến thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

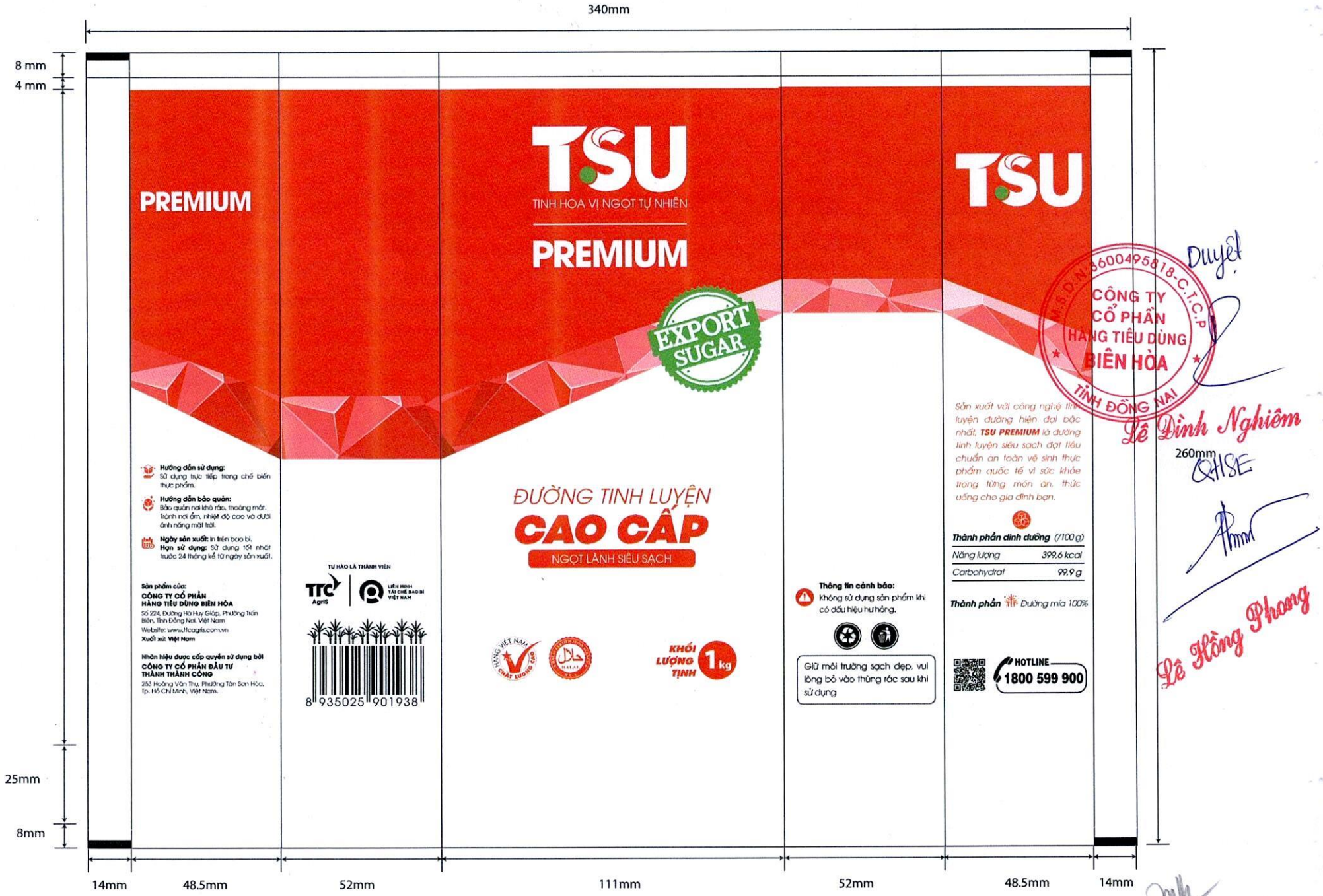
Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600495811 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

Lê Đình Nghiêm


340mm
8 mm
4 mm
25mm
8mm
260mm
14mm
48.5mm
52mm
111mm
52mm
48.5mm
14mm
PREMIUM
TSU
TINH HOA VỊ NGỌT TỰ NHIÊN
PREMIUM
EXPORT SUGAR
TSU
ĐƯỜNG TINH LUYỆN
CAO CẤP
NGỌT LÀNH SIÊU SẠCH
Hướng dẫn sử dụng:
Sử dụng trực tiếp trong chế biến thực phẩm.
Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Tránh nơi ẩm, nhiệt độ cao và dưới ánh nắng mặt trời.
Ngày sản xuất: In trên bao bì.
Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Sản phẩm của:
CÔNG TY CỔ PHẦN
HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Website: www.tfcagris.com.vn
Xuất xứ: Việt Nam
Nhãn hiệu được cấp quyền sử dụng bởi
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
THÀNH THÀNH CÔNG
253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
TỰ HÀO LÀ THÀNH VIÊN
TTC AgriS
LIÊN MINH TÁI CHẾ BAO BÌ VIỆT NAM
8 935025 901938
HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
KHỐI LƯỢNG TỊNH 1kg
Thông tin cảnh báo:
Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng.
Giữ môi trường sạch đẹp, vui lòng bỏ vào thùng rác sau khi sử dụng
Sản xuất với công nghệ tinh luyện đường hiện đại bậc nhất, TSU PREMIUM là đường tinh luyện siêu sạch đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế vì sức khỏe trong từng món ăn, thức uống cho gia đình bạn.
Thành phần dinh dưỡng (/100g)
Năng lượng 399,6 kcal
Carbohydrat 99,9 g
Thành phần Đường mía 100%
HOTLINE
1800 599 900
M.S.D.N: 3600495818-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI
Duyệt
Lê Đình Nghiêm
QHSE
Lê Hồng Phong

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 30, ngày 03 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 224, Đường Hà Huy Giáp , Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Số Fax: *0251.3836213*

Thư điện tử: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN QUẾ TRANG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *08/08/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *095180009939*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *173 Thái Phiên , Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-02894BTP1/2-1 NGÀY 11/06/2021

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-02894BTP1/2-1 DATED 11/06/2021

1. Tên mẫu *Name of sample* : **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP**
2. Mô tả mẫu *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
   As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu *Date of receiving* : 02/06/2021
5. Thời gian thử nghiệm *Testing duration* : 02/06/2021 – 11/06/2021
6. Nơi gửi mẫu *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**
   BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
   KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
   Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province
7. Kết quả thử nghiệm *Test results* : Xem trang / *See page* 02-06/06

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan/ *Sensory test*	QTTN/KT3 234 : 2019	-	
• Trạng thái/ *State*			Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, tơi khô, không vón cục/ *White crystals, equal size, dry, no curdle*
• Màu sắc/ *Color*			Tinh thể màu trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt *White crystals, clear solution when adder water*
• Mùi vị/ *Odor & taste*			Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ *Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste*
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % *Sucrose content (m/m)*	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA	-	99,9

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % *Reducing sugars content (m/m)*	GS 2/3/9 -5 (2011) ICUMSA	-	$1,90 \times 10^{-2}$
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % *Conductivity ash content (m/m)*	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$5,00 \times 10^{-3}$
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % *Moisture content (m/m)*	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$1,30 \times 10^{-2}$
7.6. Độ màu / *Color*, IU	TCVN 6333 : 2010	-	18,1
7.7. Hàm lượng tạp chất, mg/kg *Sediment content*	GS 2/3/9 – 19 (2007) ICUMSA	-	1,19
7.8. Hàm lượng sunphua dioxyt (SO_2), mg/kg *Sulfur dioxide content*	GS 2/1/7/9 – 33 (2011) ICUMSA	-	0,54
7.9. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg *Aflatoxin B1 content*	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.10. Hàm lượng aflatoxin, µg/kg *Aflatoxin content*	TCVN 7596 : 2007		
• B1		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• B2		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• G1		0,75	Không phát hiện *Not detected*
• G2		0,75	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng chì, mg/kg *Lead content*	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	$2,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Ke Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm : *Test results*

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.12. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg *Mercury content*	QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1{,}50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.13. Hàm lượng cadimi, mg/kg *Cadmium content*	AOAC 2016 (2013.06)	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.14. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg *Total arsenic content*	TCVN 8427 : 2010	$1{,}00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện *Not detected*
7.15. Hàm lượng đồng, mg/kg *Copper content*	AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện *Not detected*
7.16. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, CFU/10 g *Total mesophillic bacterial count*	GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	$1{,}4 \times 10^{1}$
7.17. Tổng số nấm men, CFU/10 g *Total yeasts*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than*
7.18. Tổng số nấm mốc, CFU/10 g *Total moulds*	GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1(*) *Less than*
7.19. *Salmonella* spp/ 25 g	ISO 6579 -1:2017	-	Không phát hiện *Not detected*
7.20. Coliform, CFU/g	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.21. *E.Coli*/10 g	ISO16649 – 3 : 2015	-	Không phát hiện *Not detected*
7.22. Staphylococci coagulase dương tính (Staphylococcus aureus và các loài khác)/ g	ISO 6888-3:2002	-	Không phát hiện *Not detected*
7.23. *Bacillus cereus* giả định, CFU/g *Presumtive bacillus cereus*	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.24. Vi khuẩn kỵ khí khử sulfite, CFU/g *Sulfite – reducing bacteria growing under anaerobic condition*	ISO 15213: 2003	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*
7.25. Hàm lượng canxi, mg/kg *Calcium content*	GS8/2/3/4-9 (2000) ICUMSA	-	8,11
7.26. Cỡ hạt tính theo khối lượng, % *Particle size (m/m0*	GS 2/9 - 37 (2007) ICUMSA	-	
• Trên rây/ *Caught* 1,4 mm			0,39
• Qua rây/ *Through* 0,212 mm			0,63
7.27. Hàm lượng nhôm, mg/kg *Aluminium content*	QTTN/KT3 053 : 2017	0,50	Không phát hiện *Not detected*
7.28. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg *Ochratoxin A content*	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2000.03))	0,3	Không phát hiện *Not detected*
7.29. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg *Deoxynivalenol content*	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện *Not detected*
7.30. Hàm lượng zearalenone, µg/kg *Zearalenone content*	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	15	Không phát hiện *Not detected*
7.31. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg *Fumonisin (B1 + B2) content*	QTTN/KT3 161 : 2017	25	Không phát hiện *Not detected*
7.32. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg *Aflatoxin M1 content*	QTTN/KT3 242 : 2019	0,02	Không phát hiện *Not detected*
7.33. Hàm lượng endosulfan, mg/kg *Endosulfan content*	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)	0,01	Không phát hiện *Not detected*
7.34. *Clostridium perfringens*, CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10(*) *Less than*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-02894BTP1/2-1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo *Limit of Detection/ Range of measurement*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.35. Enterobacteriaceae/ 10 g	ISO 21528-1 : 2017	-	Không phát hiện *Not detected*
7.36. *Cronobacter spp* / 10 g	ISO 22964:2017	-	Không phát hiện *Not detected*
7.37. Phát hiện GMO bằng phương pháp sàng lọc *Detection of GMO by screening method*			
• Promoter CaMV 35S	QTTN/KT3 108 : 2014 – Amd 01: 2017 (1) Real time PCR	0,01%	Không phát hiện *Not detected*
• Terminator NOS	QTTN/KT3 109 : 2014 Amd 01: 2017 (2) Real time PCR	0,01 %	Không phát hiện *Not detected*

Ghi chú/ *Notes*:

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g; 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g; 10 CFU/g when the dish contains no colony.*

(1) Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis QT - ELE - 00 - 004

(2) Tham khảo/refer to JRC Compendium of reference methods for GMO analysis QL - ELE - 00 – 011

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 03/2021/CV-QHSE ngày 27/10/2021:

The information was changed according to customer's official dispatch No. 03/2021/CV-QHSE dated 27/10/2021:

Nội dung/ *Item*	**Ban đầu/ *Initial***	**Thay đổi/ *Change as***
Nơi gửi mẫu *Customer*	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai Bien Hoa 1 Industrial Zone, An Binh Ward, Bien Hoa City, Dong Nai Province

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
QUATEST 3®
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-02299BTP1/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/11/2021
Trang 01/01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-02299BTP1 NGÀY 10/05/2021

1. Tên mẫu : **ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
   Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 04/05/2021
5. Thời gian thử nghiệm : 05/05/2021 – 10/05/2021
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai**
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Kích cỡ hạt trung bình, mm	GS 2/9 - 37 (2007) ICUMSA	0,74

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 03/2021/CV-QHSE ngày 27/10/2021:

Nội dung	Ban đầu	Thay đổi
Nơi gửi mẫu	CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI KCN I, Đường số 1, P. An Bình, TP Biên Hòa, Đồng Nai	CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3 – TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
   Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
   The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
   Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

ANALYTICAL REPORT

Sample code Nr. 743-2021-00092400
Analytical Report Nr. AR-21-VD-095953-02-EN / EUVNHC-00148497

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industiral Zone 1,
An Binh Ward,
Bien Hoa City,
Dong Nai Province
VIETNAM

Sample described as:	ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP
Conditioning:	The sample is kept in plastic bag
Sample reception date:	19/10/2021
Analysis Time:	19/10/2021 - 20/10/2021
Client due date:	20/10/2021
Your purchase order reference:	J8SF211019196
Eol sample code:	005-32410-39237

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VDG3L VD (a) Glyphosate	mg/ kg	Internal method (EVN-R-RD-1-TP-3449)	Not detected (LOD=0.003)
2	VD2PV VD 2,4-D	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) Aldicarb	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) Azinphos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) Carbofuran	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) Chlorantraniliprole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) Clothianidin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
8	VD2UB VD Cyhalothrin and lambda-cyhalothrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) Cypermethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD Dicamba	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) Imazapic	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD Isoxaflutole	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
14	VD2SF VD Mesotrione	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
15	VD2PH VD (a) **Novaluron**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
16	VD2R5 VD (a) **Propiconazole (sum of isomers)**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) **Tebufenozide**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) **Trinexapac-ethyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Not detected (LOD=0.05)

LOD: Limit Of Detection

SIGNATURE

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Analytical Service Manager

M.S.D.N: 0311526885 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
General Director

Report electronically validated by Nguyễn Thị Phượng Vĩ 01/11/2021

EXPLANATORY NOTE
This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditatio
ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
(*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-21-VD-095953-01/743-2021-00092400 dated 22/10/2021 which must be destroyed)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2021-00092400
Mã số kết quả : AR-21-VD-095953-02-VI / EUVNHC-00148497

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Đường số 1,Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1
Phường An Bình
Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Tên mẫu :	ĐƯỜNG TINH LUYỆN CAO CẤP
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu :	19/10/2021
Thời gian thử nghiệm :	19/10/2021 - 20/10/2021
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	20/10/2021
Mã số PO của khách hàng :	J8SF211019196
Mã số mẫu Eol :	005-32410-39237

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VDG3L VD (a) **Glyphosate**	mg/ kg	Phương pháp nội bộ (EVN-R-RD-1-TP-3449)	Không phát hiện (LOD=0.003)
2	VD2PV VD **2,4-D**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
3	VD2Q6 VD (a) **Aldicarb**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD2TG VD (a) **Azinphos-methyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
5	VD2PY VD (a) **Carbofuran**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
6	VD2S6 VD (a) **Chlorantraniliprole**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
7	VD2PD VD (a) **Clothianidin**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
8	VD2UB VD **Cyhalothrin và lambda-cyhalothrin**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
9	VD2Q0 VD (a) **Cypermethrin**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
10	VD2Q2 VD **Dicamba**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
11	VD2Q4 VD (a) **Ethoprophos**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
12	VD2SD VD (a) **Imazapic**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
13	VD2P5 VD **Isoxaflutole**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
14	VD2SF VD **Mesotrione**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
15	VD2PH VD (a) **Novaluron**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
16	VD2R5 VD (a) **Propiconazol (Tổng các đồng nhân)**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
17	VD2QT VD (a) **Tebufenozid**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
18	VD2TK VD (a) **Trinexapac-ethyl**	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên

Nguyễn Thị Phượng Vĩ
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phượng Vĩ 01/11/2021

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.
(*Kết quả này thay cho kết quả số AR-21-VD-095953-01/743-2021-00092400, xuất ngày 22/10/2021; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)